



ẢNH: XUÂN TRƯỜNG

HIỆP ƯỚC BASEL III VÀ SỰ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU GIÁM SÁT NGÂN HÀNG TẠI VIỆT NAM

**TS. NGUYỄN CHÍ ĐỨC
TẠ THU HỒNG NHUNG**

Yêu cầu và phương pháp giám sát mà hiệp ước Basel đề xuất đã thể hiện quan điểm tiến bộ trong giám sát ngân hàng (GSNH), và đó cũng là những định hướng trong quản trị rủi ro cho các ngân hàng trên toàn thế giới. Sử dụng đòn cân nợ cao, lạm dụng quá mức các sản phẩm tài chính phái sinh và cơ chế giám sát không hoàn thiện là nguyên nhân chủ yếu gây nên cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008. Sự bộc phát của cuộc khủng hoảng tín dụng thứ cấp tại Mỹ đã gây nên cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, biểu hiện ở trò chơi cân bằng trong giám sát tài chính (GSTC) bị phá vỡ, việc đi tìm điểm cân bằng mới là một kết quả tất yếu. Sau thời kỳ khủng hoảng, quan điểm về GSTC trên thế giới bắt đầu có sự thay đổi, từ quan điểm tôn thờ quá độ sự tự do hóa, thị trường hóa trong giám sát

đang chuyển dần sang tăng cường giám sát từ các cơ quan nhà nước, khuynh hướng giám sát chặt chẽ đã xuất hiện, như giám sát vốn, giám sát tính thanh khoản, giám sát tính minh bạch thông tin... đang được đề cao. Ngoài việc chú trọng giám sát vi mô một cách thận trọng, quan điểm mới còn đề cao nguyên tắc giám sát vĩ mô thận trọng. Sau gần hai năm thảo luận vào ngày 16/12/2010⁽¹⁾, Ủy ban Basel về GSNH (BCBS) chính thức công bố hiệp ước Basel III, đánh dấu một sự thay đổi toàn diện về hệ thống thực thi và các chỉ tiêu GSNH hiện hữu. Ngoài việc nâng cao tỷ lệ an toàn vốn, Basel III còn lần đầu tiên đề cập đến việc giám sát các chỉ tiêu tính thanh khoản. Mục tiêu căn bản của việc thay đổi lần này chính là nâng cao năng lực ứng phó của ngân hàng (NH) trước những biến động từ nền kinh tế, từ đó sẽ làm

giảm sự tác động đến các thực thể trong nền kinh tế.

1. Nội dung chủ yếu và những tồn tại của Basel III

1.1. Nội dung chủ yếu của Basel III

Cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008, đã làm các nhà hoạch định chính sách trăn trở, nhằm đưa ra những định hướng đúng đắn nhất cho hoạt động GSNH, phòng ngừa khủng hoảng tái diễn, đây chính là lý do hiệp ước Basel III được ban hành một cách khẩn trương. Hiệp định Basel III được Thống đốc các NH trung ương và các cơ quan quản lý NH (27 thành viên) ký kết ngày 12/9/2010 tại thành phố Basel, Thụy Sĩ. Những quy định mới về khái niệm và các tiêu chuẩn tối thiểu cao hơn, cùng với phương pháp giám sát mang tính an toàn vĩ mô đã được đánh giá là sự thay đổi lịch sử trong quy định về GSNH.

Bảng 1: Nội dung Basel III

Nguồn: <http://www.bis.org/bcbs/basel3>

CÁC NGÂN HÀNG					THANH KHOẢN	
VỐN						
Trụ cột 1				Trụ cột 2	Trụ cột 3	Yêu cầu thanh khoản chung và hệ thống giám sát
Vốn	Bảo hiểm rủi ro	Đòn bẩy tài chính	Giám sát và quản trị rủi ro	Kỷ luật thị trường		
Chất lượng và mức vốn	Chứng khoán	Hệ số đòn bẩy	Bổ sung yêu cầu trụ cột 2	Yêu cầu công bố thông tin trụ cột 3	Tỷ lệ bảo đảm thanh khoản - the liquidity coverage ratio (LCR)	
Yêu cầu về vốn của cổ đông thường được chú trọng, tăng lên 4,5% trên tổng tài sản có trọng số rủi ro, sau khi khấu trừ.	Tăng cường xử lý vốn đối với một số chứng khoán phức tạp, yêu cầu NH phải tiến hành phân tích tín dụng nghiêm ngặt hơn những chứng khoán đã được xếp hạng.	Tỷ lệ đòn bẩy tối thiểu (thủ nghiệm 3%) là tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản có cộng các khoản mục ngoại bảng, hỗ trợ xây dựng các tỷ lệ đòn bẩy khác cho toàn hệ thống.	Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp - quản trị rộng và quản trị rủi ro: kiểm soát được nguy cơ rủi ro ngoại bảng, hoạt động đầu tư chứng khoán, tập trung quản trị rủi ro, khuyến khích NH tăng năng lực quản trị trong thời gian dài, phương pháp định giá, kiểm tra thủ nghiệm theo tiêu chuẩn với từng công cụ tài chính của công ty bảo hiểm và hội đồng giám sát.	Yêu cầu công bố thông tin về rủi ro chứng khoán và các công cụ tài trợ ngoại bảng. Yêu cầu bổ sung thêm các thông tin công khai như nội dung của vốn điều lệ kèm theo diễn giải các tài khoản đối ứng trên báo cáo tài chính và yêu cầu giải trình cách tính các tỷ lệ về vốn điều lệ.	Tỷ lệ bảo đảm thanh khoản nhằm đảm bảo NH phải có tài sản có tính lỏng cao, có khả năng chịu được 30 ngày trong giai đoạn căng thẳng về vốn, được người giám sát chỉ định.	
Vốn mất khả năng hấp thụ	Thương mại ghi sổ				Tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng- Net stable funding ratio - NSFR	
Các điều kiện hợp đồng của công cụ vốn bao gồm một điều khoản là cho phép cơ quan có thẩm quyền tùy chỉnh phần vốn này được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông nếu NH bị đánh giá không hiệu quả. Nguyên tắc này làm tăng sự đóng góp của khu vực tư nhân nhằm giải quyết những cuộc khủng hoảng NH tương lai và giảm thiểu rủi ro đạo đức.	Tập trung về vốn cho hoạt động thương mại và phái sinh, cũng như các chứng khoán phức tạp được giữ trong sổ thương mại, nhấn mạnh đến khung VAR (Value at risk), giúp giảm thiểu tổn thất hoàn (phi kỳ). Đối với các sản phẩm tín dụng không chứng khoán hóa và mất tính thanh khoản, sẽ tăng chi phí vốn khi tăng rủi ro, được ước tính theo rủi ro vỡ nợ và rủi ro đầu tư thay thế.				Tỷ lệ vốn ổn định là một tỷ lệ cấu trúc kỳ hạn được lập nên nhằm giải quyết, ngăn chặn nguy cơ rủi ro thanh khoản vì độ lệch kỳ hạn.	
Vốn đệm dự phòng	Rủi ro tín dụng về phía đối tác				Nguyên tắc quản trị và giám sát rủi ro thanh khoản	
Yêu cầu tỷ lệ vốn cổ phần thường trên tài sản có trọng số rủi ro là 2,5%, năng tiêu chuẩn tổng số vốn cổ phần thường chuẩn đến 7%. Điều này làm hạn chế về phân phối vốn tùy ý của NH khi các NH rơi vào giai đoạn cần có vốn đệm dự phòng.	Tăng cường việc phòng ngừa rủi ro tín dụng về phía đối tác, bao gồm các yêu cầu nghiêm ngặt hơn về việc đo lường rủi ro, NH dành các ưu đãi về vốn cho những đối tác trung tâm với công cụ tài chính phái sinh, khu vực tài chính liên ngành chịu chi phí vốn cao hơn.				Các quy tắc hướng dẫn quản trị và giám sát rủi ro thanh khoản của Ủy ban Basel vào năm 2008, lấy bài học từ các cuộc khủng hoảng trong việc quản trị rủi ro thanh khoản của các NH.	
Vốn dự phòng chống hiệu ứng chu kỳ	Các rủi ro của NH có liên quan đến việc thanh toán qua trung tâm thanh toán bù trừ - Bank exposures to central counterparties (CCPs)				Thanh tra giám sát	
Áp đặt từ 0-2,5% trong vốn cổ phần thường tùy giai đoạn khi các cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tăng trưởng tín dụng, điều này nhằm ngăn chặn miễn cưỡng của rủi ro hệ thống.	Ủy ban đề nghị hệ số tổn thất thương mại đối với một CCP là 2% trọng số rủi ro và các quỹ đầu tư rủi ro muốn trở thành CCP đủ điều kiện phải bị vốn hóa tùy mức độ rủi ro được đo lường theo một phương pháp phù hợp và đơn giản với mức độ phát sinh rủi ro từ các quỹ đầu tư đó.				Khung thanh khoản bao gồm tập hợp các số liệu nhằm hỗ trợ giám sát trên cơ sở xác định và phân tích xu hướng rủi ro thanh khoản tại từng NH và toàn hệ thống.	
SIFIs						
Ngoài việc đáp ứng yêu cầu Basel III, các định chế tài chính có tầm ảnh hưởng mang tính hệ thống (SIFIs) phải có khả năng chịu đựng tổn thất cao hơn và phản ánh những rủi ro mà họ gây ra cho hệ thống tài chính. Ủy ban phát triển một phương pháp bao gồm cả các chỉ số định tính và định lượng để xác định những tổ chức quan trọng trong hệ thống (SIBs). Các yêu cầu về mức chịu đựng tổn thất cao hơn cũng với quá trình vượt bậc năng vốn cấp 1.						
Yêu cầu về vốn khác nhau từ 1%-2,5% tùy thuộc vào tầm quan trọng có tính hệ thống của NH. Với các SIB có tầm ảnh hưởng lớn nhất, khả năng chịu tổn thất 1% có thể được áp dụng nhằm giảm sự tác động của họ đối với toàn hệ thống trong tương lai.						
Tương hợp với Ủy ban ổn định tài chính đã cho xuất bản tài liệu, phối hợp các biện pháp nhằm giảm rủi ro đạo đức áp dụng cho các SIFIs.						

1.2. So sánh Basel II và Basel III

Qua bảng trên rõ ràng những thay đổi của Basel III về những quy định trong tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu đã củng cố thêm bức tường thành an ninh tài chính – ngân hàng như nâng tỷ lệ vốn chủ sở hữu tối thiểu (cổ phần phổ thông) từ 2% lên 4,5%; Bổ sung phần vốn đệm dự phòng tài chính đảm bảo bằng 2,5% vốn chủ sở hữu. So với Basel II thì yêu cầu của Basel III đối với tiêu chuẩn an toàn vốn tối thiểu không thay đổi, vẫn là 8% nếu loại trừ khoản vốn đệm phòng ngừa rủi ro tài chính 2,5%. Tuy nhiên, kết cấu của các loại vốn đã có sự thay đổi đáng kể theo hướng tăng tỷ trọng vốn cấp 1, đồng thời tăng tỷ trọng vốn chủ sở hữu phổ thông trong vốn cấp 1. Ngoài ra Basel III còn quy định tùy theo bối cảnh của mỗi quốc gia, một tỷ lệ vốn đệm phòng ngừa sự suy giảm theo chu kỳ kinh tế được thiết lập với tỷ lệ từ 0-2,5% và phải được đảm bảo bằng vốn chủ sở hữu phổ thông (common equity), trong khi Basel II không có quy định.

Các tiêu chuẩn của Basel III chưa có hiệu lực ngay lập tức. Chúng bắt đầu có hiệu lực từ năm 2013, được thực hiện theo một lộ trình đến hết năm 2018 và sẽ thực hiện đầy đủ vào ngày 01/01/2019 (Xem bảng 3).

Basel III với những quy định mới về khái niệm và các tiêu chuẩn tối thiểu cao hơn cùng với phương pháp giám sát an toàn vĩ mô là sự thay đổi lịch sử trong quy định về hoạt động GSNH. Ủy ban Basel mong muốn cuộc cải tổ này sẽ được triển khai mà không ảnh hưởng tới tốc độ phục hồi kinh tế của các nước, và cần có thời gian để đưa những tiêu chuẩn quốc tế mới vào những quy định riêng của các quốc gia. Theo tinh thần đó, Ngân hàng thanh toán quốc tế (BIS) đã đưa ra một lộ trình để thực hiện bắt đầu từ tháng 01/2013 và hoàn thành vào cuối năm 2018. Bên cạnh đó, Basel III đồng thời rà soát lại các định nghĩa vốn cấp 1,

Bảng 2: So sánh Basel II, Basel III về những quy định trong tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu

Đơn vị: %

Sự thay đổi trong giám sát vốn	Yêu cầu vốn							Yêu cầu vốn dự phòng
	Vốn chủ sở hữu tối thiểu			Vốn cấp 1		Tổng vốn		Vốn dự phòng chống hiệu ứng chu kỳ
	Yêu cầu vốn tối thiểu	Vốn đệm dự phòng	Vốn CSH tối thiểu cộng vốn đệm dự phòng	Yêu cầu vốn tối thiểu	Tổng	Yêu cầu tổng vốn tối thiểu	Tổng vốn tối thiểu cộng vốn đệm dự phòng bắt buộc	
Basel II	2	-	-	4	-	8	-	-
Basel III (2019)	4,5	2,5	7	6	8,5	8	10,5	0-2,5

Nguồn: <http://www.bis.org/bcbs/basel3>

Bảng 3: Lộ trình cụ thể thực thi hiệp ước Basel III (ngày thực thi đến 01/01 hàng năm)

Đơn vị: %

	Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Vốn	Tỷ lệ đòn bẩy	Tỷ lệ đòn bẩy được thử nghiệm áp dụng trong giai đoạn 01/01/2013 đến 31/12/2016 với tỷ lệ 3%.					Áp dụng trụ cột 1	
	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu tối thiểu	3,5	4,0	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5
	Vốn đệm dự phòng				0,625	1,25	1,875	2,5
	Vốn chủ sở hữu tối thiểu cộng vốn đệm dự phòng	3,5	4	4,5	5,125	5,76	6,375	7
	Loại trừ khỏi vốn chủ sở hữu các khoản vốn không đủ tiêu chuẩn		20	40	60	80	100	100
	Tỷ lệ vốn cấp 1 tối thiểu	4,5	5,5	6,0	6,0	6,0	6,0	6,0
	Tỷ lệ tổng vốn tối thiểu	8	8	8	8	8	8	8
	Tổng vốn tối thiểu cộng vốn đệm dự phòng bắt buộc	8	8	8	8,625	9,125	9,875	10,5
	Loại trừ khỏi vốn cấp 1 và cấp 2 các khoản không đủ tiêu chuẩn	Thực hiện theo lộ trình 10 năm bắt đầu từ năm 2013						
	Vốn dự phòng chống hiệu ứng chu kỳ	Tùy theo điều kiện của quốc gia: mức từ 0- 2,5						
Thanh khoản	Tỷ lệ bảo đảm thanh khoản - LCR (Liquidity Coverage Ratio)			60	70	80	90	100
	Tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng - NSFR						Đưa ra tiêu chuẩn tối thiểu	

Nguồn: <http://www.basel-iii-accord.com/>

vốn cấp 2 và sẽ loại bỏ các khoản vốn không đủ tiêu chuẩn khi đánh giá chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu. Đặc biệt, Basel III yêu cầu áp dụng bổ sung tỷ lệ đòn bẩy (tỷ lệ giữa vốn cấp 1 so với tổng tài sản có cộng với các khoản mục ngoại bảng) tối thiểu và được thử nghiệm áp dụng trong khoảng thời gian từ 01/01/2013 đến 31/12/2016 với tỷ lệ 3%. Việc quy định tỷ lệ này cho phép Ủy ban Basel theo dõi biến động tỷ lệ đòn bẩy thực của các NH theo chu kỳ kinh tế và mối quan hệ giữa các yêu cầu về vốn với tỷ lệ đòn bẩy.

Cuối cùng, về tỷ lệ thanh khoản, Basel III mong muốn xây dựng chỉ tiêu giám sát thanh khoản thống nhất toàn cầu, có hai chỉ tiêu quản lý: Thứ nhất là LCR (Liquidity Coverage Ratio), tức tỷ lệ đảm bảo khả năng thanh khoản và NSFR (Net Stable Funding Ratio) tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng. Đây là hai tỷ lệ được đánh giá là rất "căng" vì tính trung thực khi tính toán và khả năng giám sát của cơ quan nhà nước. Lộ trình thực hiện các chỉ tiêu này khá lâu bắt đầu từ 01/01/2015 đối với LCR, và từ 01/01/2018 đối với NSFR.

1.3. Những tồn tại của Basel III:

Basel III là sản phẩm ra đời sau cuộc khủng hoảng tài chính, 2 năm sau cuộc khủng hoảng dưới nhiều áp lực chính trị và kinh tế, hiệp ước Basel III đã ra đời. Theo BCBS, Basel III cũng còn nhiều điểm tồn tại như: (1) nhấn mạnh việc bổ sung vốn, quá chú trọng sự thay đổi phần tử trong công thức tính tỷ lệ an toàn vốn, nhưng việc quản lý rủi ro và giám sát nội bộ lại chưa được chú ý đầy đủ; (2) chỉ 3 năm sau khi Basel II công bố chính thức thì khủng hoảng tài chính xảy ra, vậy mà Basel III phải đến 2019 mới thực thi hoàn toàn, như vậy tốc độ thực thi Basel III là khá chậm; (3) Basel III không thể khắc phục rủi ro hệ thống vì rủi ro hệ thống của khủng hoảng tài chính hiện đại chủ yếu đến từ việc thả lỏng chính sách tiền tệ, chứ không hẳn

hoàn toàn do việc thả lỏng giám sát; (4) Tiêu chuẩn giám sát của Basel không thống nhất có thể dẫn đến trục lợi mới từ sự khác biệt nhau trong giám sát (regulatory arbitrage); (5) Basel III chưa có sự quan tâm đầy đủ đối với nghiệp vụ bán lẻ và mảng hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ; (6) yêu cầu vốn chống hiệu ứng chu kỳ kinh tế ở khía cạnh lý luận là rất tốt, nhưng trên thực tế là khó thực hiện; (7) Basel III và hệ thống pháp luật còn thiếu sự phối hợp.

2. So sánh những tiêu chuẩn trong giám sát vốn của hiệp ước Basel III và những quy định hiện hành trong giám sát NHTM tại Việt Nam

Đối với tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (mức đủ vốn tối thiểu), quy định cụ thể có liên quan đầu tiên là Quyết định 297/1999/QĐ-NHNN ngày 25/8/1999 quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của ngân hàng thương mại (NHTM). Tại quy định này, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu được xác định là 8% nhưng phương pháp tính đơn giản và chưa phản ánh chính xác tinh thần Basel I. Sau khi Basel II công bố, năm 2005 NHNN đã ban hành Quyết định 457/2005/QĐ-

NHNN ngày 19/4/2005 với tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu vẫn là 8% nhưng phương pháp tính toán chỉ mới tiếp cận tương đối toàn diện với Basel I. Năm 2010, NHNN ban hành Thông tư số 13/TT-NHNN ngày 20/5/2010 thay thế Quyết định 457/2005/QĐ-NHNN, nâng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu lên 9% và phương pháp tính toán đã từng bước tiếp cận Basel II. Ngày 20/11/2014, NHNN đã ban hành Thông tư 36/2014/TT-NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh NH nước ngoài (Thông tư 36) thay thế Thông tư 13. Đây là văn bản pháp lý điều chỉnh toàn diện về giới hạn, hạn chế, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động NH, có hiệu lực từ ngày 01/02/2015, tạo nên những chuẩn mực về quản trị, an toàn hoạt động NH phù hợp hơn với thông lệ quốc tế, đáp ứng yêu cầu giám sát hệ thống NH trong giai đoạn mới. Từ bảng 4 có thể nhận xét một số điểm sau:

$$\text{CAR} = \frac{\text{Vốn cấp 1 + Vốn cấp 2}}{\text{Tài sản có rủi ro}} \\ (\text{Rủi ro tín dụng} + \text{Rủi ro thị trường} + \text{Rủi ro tác nghiệp})$$

(1) Thông tư 36 yêu cầu tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu là 9%, đã cao hơn so



Trên thực tế thị vốn của các NHTM ở nước ta hiện nay hầu hết là vốn cấp 1 và là vốn chủ sở hữu

Bảng 4: So sánh những quy định của Thông tư 36⁽²⁾ về các chỉ tiêu giám sát so với yêu cầu của Basel III

Đơn vị: %

Hệ thống chỉ tiêu	Chỉ tiêu cụ thể	Việt Nam quy định	Basel III	Thời gian thực hiện	
				Việt Nam	Basel III
Tỷ lệ an toàn vốn	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu tối thiểu	-	4,5	Từ 01/02/2015	Bảng 3
	Tỷ lệ vốn cấp 1 tối thiểu	-	6		
	Tỷ lệ tổng vốn tối thiểu	9	8		
	Vốn đệm dự phòng	-	2,5		
	Vốn dự phòng chống hiệu ứng chu kỳ	-	0-2,5		
	Chống rủi ro hệ thống trọng yếu	-	1		
Tỷ lệ đòn bẩy	Tỷ lệ giữa vốn cấp 1 so với tổng tài sản có chưa cộng với các khoản mục ngoại bảng	-	3		
Tỷ lệ nợ xấu	Nợ xấu/tổng dư nợ	3% (chỉ là điều kiện để các NHTM có thể thực hiện 1 số nghiệp vụ khác theo quy định)	-		
Tính thanh khoản	LCR (Liquidity Coverage Ratio) ⁽³⁾	50	60 - 100	Hiệu lực 1/2/2015	Hiệu lực 1/1/2015
	NSFR, (Net Stable Funding Ratio) ⁽⁴⁾	-	Từ 1/1/2018 ra tiêu chuẩn tối thiểu		

với quy định của Basel III là 8% và các NHTM chỉ phải tăng lên 10,5% trong đó bao gồm vốn đệm dự phòng 2,5% cho đến năm 2019. Thông tư 36 cũng chưa đề cập đến yêu cầu tỷ lệ vốn chủ sở hữu tối thiểu, tỷ lệ vốn cấp 1 tối thiểu trong khi Basel III rất chú trọng các tỷ lệ này. Trên thực tế hiện nay thì vốn của các NHTM ở nước ta hiện nay hầu hết là vốn cấp 1 và là vốn chủ sở hữu vì vậy các NHTM Việt Nam cũng không quá khó khăn đã đạt được các chỉ tiêu này, việc không quy định tỷ lệ vốn chủ sở hữu tối thiểu, tỷ lệ vốn cấp 1 tối thiểu cũng không làm hạ thấp sự tiếp cận với Basel III.

(2) Thông tư 36 chưa đề cập đến tỷ lệ vốn dự phòng chống hiệu ứng chu kỳ và chống rủi ro hệ thống trọng yếu cũng như tỷ lệ đòn bẩy.

(3) Thông tư 36 đã đề cập đến chỉ tiêu LCR, với yêu cầu tối thiểu là 50%, trong khi Basel III được khuyến cáo từ 01/01/2015 là 60%, và tăng dần đến 01/01/2019 là 100%, rõ ràng đây là một khó khăn cho các NHTM Việt Nam khi thực hiện yêu cầu chỉ tiêu này. Đồng thời Thông tư 36 cũng chưa đề cập gì đến chỉ tiêu NSFR, trong khi Basel III đã đề cập và đến 01/01/2018 sẽ đưa ra yêu cầu tối thiểu.

(4) Theo quy định của Basel thì công thức tính tỷ lệ CAR như sau:

Theo Thông tư 36, cách tính tổng vốn, bao gồm vốn cấp 1 và vốn cấp 2 đã khá tương đồng với Basel, nhưng phần mẫu số mới chỉ xác định rủi ro tín dụng, chưa tính đến rủi ro thị trường và rủi ro tác nghiệp. Lý do chính là NH Việt Nam còn thiếu cơ sở hạ tầng kỹ

thuật và cơ sở dữ liệu để xây dựng mô hình lượng hóa các loại rủi ro này. Vì vậy tỷ lệ CAR tính theo Thông tư 36 sẽ cao vì mẫu số được tính nhỏ hơn sẽ không tương đồng khi so sánh với tỷ lệ CAR được tính toán tại các nước tuân thủ Basel.

Như vậy, quy định của pháp luật trong GSNH tại Việt Nam còn hạn chế và để tiến đến việc tuân thủ hoàn toàn hiệp ước Basel III sẽ là một chặng đường phía trước.

3. Bài học đối với ngành NH Việt Nam khi tiếp cận Basel III

Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam vẫn chưa phải là một thành viên của BCBS, do đó không bị ràng buộc bởi thời hạn phải tuân thủ Basel. Tuy nhiên, trong thời gian qua, NHNN đã dần tiếp cận với Basel II bằng cách ban hành nhiều văn bản luật và quy định theo định hướng Basel II. NHNN đã công bố danh sách 10 NH thí điểm áp dụng Basel II theo lộ trình thực hiện từ năm 2015 - 2018. Sau giai đoạn này, Basel II sẽ được áp dụng rộng rãi tại các NHTM còn lại. Mặc dù không bắt buộc nhưng để theo kịp đà phát triển của các NH trên thế giới những bài học của Basel III cũng đáng quý giá để chúng ta chuẩn bị:

Thứ nhất, vốn là yêu cầu tính tổng hợp đối với quản lý rủi ro NH, tài sản có chất lượng cao để ngăn chặn rủi ro không lường trước được là nền tảng của một NH phát triển ổn định. Việc nâng cao tiêu chuẩn về tỷ lệ an toàn vốn và chất lượng tài sản không chỉ có thể tăng cường năng lực để kháng rủi ro, mà còn đạt được hiệu quả trong phương diện ngăn chặn hành vi kinh doanh mạo hiểm, tránh các chiến lược kinh doanh quá nóng vội của NH. Vì vậy phải đẩy nhanh nghiên cứu phát triển các phương cách bổ sung vốn cho NH, kiện toàn cơ chế bổ sung vốn trong dài hạn.

Thứ hai, dùng tỷ lệ đòn bẩy để đánh giá và giám sát rủi ro, là biện

pháp hiệu quả khổng chế sự phát triển quá nhanh, quá nóng của NH. Tỷ lệ đòn bẩy có thể được tiến hành để quản lý rủi ro cụ thể. Ngoài ra ở một số nghiệp vụ có rủi ro cao, rủi ro không dự tính được thì sử dụng tỷ lệ này để khổng chế rủi ro tổng thể, như vậy sẽ hiệu quả hơn so với việc khổng chế từng chỉ tiêu rủi ro đơn lẻ.

Thứ ba, thanh khoản NH là cơ sở cho sự tồn tại của NH, tỷ lệ vốn an toàn càng cao, thì cũng chưa chắc thanh khoản của NH khổng bị ảnh hưởng mạnh bởi các cú sốc từ bên ngoài. Basel III xác định rõ ràng tính cấp thiết phải quản lý rủi ro thanh khoản. Thông tư 36/2014/TT-NHNN cũng đã quy định về tỷ lệ khả năng chi trả, tức đã chú ý đến rủi ro thanh khoản, đây sẽ là chỉ tiêu mới đòi hỏi các NHTM Việt Nam phải hiểu và thực hiện nghiêm túc. Nội dung của hai chỉ tiêu về tỷ lệ khả năng chi trả được quy định trong Thông tư 36 đã phù hợp với chỉ tiêu thanh khoản mà Basel III quy định, tuy nhiên yêu cầu của Thông tư 36 vẫn thấp hơn yêu cầu của Basel III. Basel III còn yêu cầu giám sát định tính rủi ro thanh khoản, xây dựng hệ thống đánh giá phân tích rủi ro thanh khoản, trong khi Thông tư 36 vẫn chưa quy định điều này. Ngoài ra đối với chỉ tiêu này, Basel III còn yêu cầu các NHTM phải nghiên cứu kịp thời sự ảnh hưởng của những thay đổi chính sách vĩ mô, thị trường tài chính đối với tính thanh khoản của hệ thống NH, để kịp thời ứng phó.

Kết luận

Biểu tượng đặc trưng cho hội nhập quốc tế và thống nhất quốc tế trong hoạt động ngành ngân hàng chính là hiệp ước Basel, do đó việc căn cứ vào hoàn cảnh của mình để từng bước tiếp cận Basel là một xu thế khách quan của ngành NH Việt Nam. Trong những năm gần đây NHNN Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp luật (Quyết định 457/2005/QĐ-NHNN, Thông tư số 13, 19 năm 2010, Thông tư 36 năm



Basel III xác định rõ ràng tính cấp thiết phải quản lý rủi ro thanh khoản.

2014) về quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của TCTD cũng đã đề cập tới một số vấn đề liên quan tới các điều khoản trong hiệp định Basel song vẫn ở mức độ hạn chế. Việc tiếp cận với các chuẩn mực của Basel đòi hỏi kỹ thuật phức tạp và chi phí khá cao. Đối với một nước có hệ thống NH mới đang ở giai đoạn phát triển ban đầu như Việt Nam, việc áp dụng Basel gặp nhiều khó khăn, thách thức và mất nhiều thời gian. Qua việc phân tích các cơ sở pháp lý của Việt Nam minh chứng về khả năng tuân thủ Basel của các NHTM Việt Nam, bài viết đưa ra một số bài học thích hợp nhằm tạo điều kiện cho các NHTM để dàng hơn khi tiếp cận Basel. Qua đó giúp các NHTM Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo điều kiện cho các NH Việt Nam có thể mở rộng thị trường trong tương lai ■

CHÚ THÍCH:

1. <http://www.bis.org/bcbs/history.htm>
2. Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2014 về quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của TCTD.
3. LCR nhằm đảm bảo NH phải có tài sản có tính lỏng cao để chịu được 30 ngày trong giai đoạn căng thẳng về vốn.
4. NSFR là tỷ lệ nguồn vốn dài hạn tối thiểu tài trợ cho tài sản dài hạn, nhằm ngăn chặn việc các NH lạm dụng nguồn vốn ngắn hạn tài trợ cho tài sản dài hạn, gây ra độ lệch kỳ hạn, ảnh hưởng nghiêm

trọng đến khả năng thanh khoản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2014 về "quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của TCTD, Chi nhánh NH nước ngoài" có hiệu lực thi hành từ 1/2/2015. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Hà Nội.
2. Báo cáo thường niên NHNN, 2012, Nhà xuất bản thông tin và truyền thông. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Hà Nội.
3. Huỳnh Thế Du, Những tín hiệu tích cực từ quy định mới về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động NH ở Việt Nam, 2012, Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright. TP.Hồ Chí Minh.
4. PGS., TS. Nguyễn Văn Hiệu (Trưởng ĐT&PTNNL Vietinbank), 2011, "Nâng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo Basel III - lộ trình củng cố bức tường an ninh tài chính - NH". Website Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam, ngày 25/11/2011.
5. Website Việt Báo, ngày 31/08/2014.
6. Lịch sử Ủy ban Basel. Website Ngân hàng Thanh toán quốc tế, ngày 28/10/2014.
7. Jérémie Aynié, Aurélie de Guillebon, Grégory Gigoï, Mathilde Danloux, Jacques Mansour, 2013, "Liquidity Risk Management and the Regulatory Environment" High Performance Training of Accenture, 2013, Accenture, US.
8. Basel Committee on Banking Supervision, 2014. A brief history of the Basel Committee, BIS, 10/2014.
9. Laurent Balthazar (2006) From Basel 1 to Basel 3: The Integration of State-of-the-Art Risk Modeling in Banking Regulation, PALGRAVE MACMILLAN, Great Britain.
10. Feng Qian, 2012, "Cải cách GIÁM SÁT vốn và tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu", Khoa học tài chính, số 2/2012.
11. He Jian Qing, 2011, "Phân tích sự ảnh hưởng của Basel III đối với NH Trung Quốc" Hội đàm tài chính, số 8/2011.